



Ruì xìng

芮姓

noun · surname Rui

Example Sentences

Ruì xìng shì yí gè bǐ jiào shǎo jiàn de xìng shì
芮姓是一个比较少见的姓氏。

The surname Rui is a relatively rare surname.

wǒ yǒu yí wèi tóng shì xìng Ruì xìng
我有一位同事姓芮姓。

I have a colleague with the surname Rui.

Ruì xìng zài bǎi jiā xìng zhōng pái míng kào hòu
芮姓在百家姓中排名靠后。

The surname Rui ranks low in the Hundred Family Surnames.

Trace each character, then write the word on your own.

芮	芮	芮	芮	芮	芮	芮	芮	芮	芮
姓	姓	姓	姓	姓	姓	姓	姓	姓	姓